

MC-Plan 500 MF

Màng gốc EPDM có gia cường.

- MÔ TẢ SẢN PHẨM:**
- Màng EPDM MC-Plan 500 MF (Gia cường)** là màng chống thấm cho mái được gia cường một lớp bên trong, bằng lớp lưới gia cố sợi ngang polyester 9 x 9, 1.000 denier giúp tăng khả năng chống đâm thủng. Sản phẩm có các độ dày 0,045" (1,1 mm), 0,060" (1,5 mm) và 0,075" (1,9 mm). Được thiết kế với khả năng chống cháy, Màng MC-Plan 500 MF có thể đáp ứng tiêu chuẩn UL Loại A cho độ dốc lên đến 3 inch (76 mm), tùy thuộc vào cụm mái.
 - GHI CHÚ:** Màng **MC-Plan 500 MF** cũng sẵn có nếu được yêu cầu ứng dụng cho khu vực có độ dốc cao hơn.

- CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI THI CÔNG:**
- Bề mặt phải sạch, khô, mịn và không có các cạnh sắc, gờ, vật liệu lỏng lẻo hoặc vật lạ, dầu, mỡ và các vật liệu khác bám trên bề mặt có thể làm hỏng màng.
 - Bề mặt gỗ ghè có nguy cơ làm hỏng màng phải được xử lý theo quy định để đảm bảo bề mặt nhẵn.
 - Tất cả các khoảng trống/ hõ trên bề mặt có độ rộng hơn 1/4" (6 mm) phải được lấp đầy bằng vật liệu phù hợp.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (Đạt hoặc vượt tiêu chuẩn ASTM D4637, Màng lợp mái một lớp EPDM được gia cố bằng Scrim II)

Đặc tính	ASTM giá trị tối thiểu	45 mil	Kết quả điển hình 60 mil	75 mil
Độ dày (D412)	1.143 mm + 0.178 mm/ -0.127 mm (0.045" + 0.007"/ - 0.005")	1.168 mm (0.046")	---	---
	1.52 mm + 0.229 mm/ -0.152 mm (0.060" + 0.009"/ - 0.006")	---	1.473mm (0.058")	---
	1.90 mm + 0.279 mm/ - 0.203 mm (0.075" + 0.011"/ - 0.008")	---	----	1.956 mm (0.077")
EPDM Lớp phủ Scrim (D7635)	0.38 mm (0.015")	0.559 mm (0.022")	0.762 mm (0.030")	0.838 mm (0.033")
Độ bền kéo đứt (D751, phương pháp Grab)	400 M (90 lbf)	969.7 M (218 lbf)	880.7 N (198 lbf)	1063.1 N (239 lbf)
Lực kháng xuyên thủng @10 J (D5635)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Cường độ đâm thủng @25 kg (D5602)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Độ giãn dài giới hạn, tối thiểu: % (D412, Die C)	250% tối thiểu (chỉ EPDM; không có scrim)	577%	Đạt	Đạt
Độ giãn dài đến khi đứt vải (cuối cùng) (D751, phương pháp Grab)	15% MD 15% CD	26.7% MD 35.2% CD	28.0% MD 30.2% CD	27.1% MD 36.3% CD
Độ bền xé (D751, phương pháp xé B)	45 N (10 lbf) tối thiểu	516.0 N (116 lbf)	516.0 N (116 lbf)	498.2 N (112 lbf)
Điểm giòn (D2137)	-45°C (-49°F) Tối đa	Đạt	Đạt	Đạt
Độ bền ôzôn, không rách (D1149)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

Đặc tính	ASTM giá trị tối thiểu	45 mil	Kết quả điển hình 60 mil	75 mil
Độ bền kéo đứt sau khi lão hóa nhiệt	356 N (80 lbf)	1072.0 N (241 lbf)	Đạt	Đạt
Độ giãn dài đến khi đứt sau khi lão hóa nhiệt*	200% tối thiểu (chỉ EPDM; không có scrim)	517%	Đạt	Đạt
Thay đổi kích thước theo chiều dài sau khi lão hóa nhiệt	± 1%	-0.8%	Đạt	Đạt
Hấp thụ nước theo khối lượng	+ 8%/ -2% (chỉ EPDM; không có scrim)	+ 1.0%	Đạt	Đạt
Độ bền đường may của nhà máy (D816, phương pháp B)	8.8 kN/m (50 lbf/in) hoặc tẩm bị hỏng	N/A (không có đường nối)	N/A (không có đường nối)	N/A (không có đường nối)
Kiểm tra trực quan sau khi tiếp xúc với Xenon-Arc**	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

(*) Màng EPDM ủ nhiệt trong: 166 ± 1,66 giờ ở 240 ± 4°F (116 ± 2°C), sau đó là thử nghiệm vật lý được chỉ định.

(**) Khả năng chống chịu thời tiết sẽ là Practices G151 và G155 Xenon-Arc như bên dưới:

Loại bộ lọc:	Ánh sáng ban ngày
Bức xạ:	0.35 đến 0.70 W/(m ² .nm) @340 nm [37.8 MJ/(m ² .nm) @ 300 đến 400 nm]
Nhiệt độ bảng đen không cách nhiệt:	690 phút ± 15 phút chiếu sáng, 30 phút chiếu sáng cộng với phun nước
Độ ẩm tương đối:	176° ± 4°F (80° ± 2°C)
Nước phun:	Khử ion hóa
Xoay mẫu vật:	Mỗi 315 KJ/(m ² .nm) @ 340 nm [37.8 MJ/(m ² .nm) @ 300 đến 400 nm]
Phơi nhiễm:	10,080 KJ/(m ² .nm) @ 340 nm [1209.6 MJ/(m ² .nm) @ 300 đến 400 nm]

Để sử dụng sản phẩm làm một bộ phận trong cụm rào chắn không khí, vui lòng tham khảo ý kiến Điều phối viên kỹ thuật khu vực, Cơ quan mã hóa hoặc Cơ quan có thẩm quyền (AHJ) để biết chi tiết lắp ráp rào chắn không khí được chấp nhận.

Thông số kỹ thuật của đặc tính dựa trên các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm và có thể khác nhau trong ứng dụng thực tế. Để xác định tính phù hợp kỹ thuật riêng lẻ, các thử nghiệm phù hợp sơ bộ phải được thực hiện trong các điều kiện ứng dụng.

ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM:

Bảo quản	Bảo quản tránh xa các nguy cơ gây thủng và hư hỏng vật lý đến màng. Đảm bảo kết cấu sàn có thể chịu được tải trọng của vật liệu khi được lưu trữ trên cao. Người thiết kế dự án phải xác định giới hạn tải trọng của boong. Bảo quản tránh xa nguồn lửa vì màng có thể cháy khi tiếp xúc với ngọn lửa trần.
-----------------	---

Đóng gói	Độ dày màng	Chiều rộng *	Chiều dài	Trọng lượng
	0.045" (1.14 mm)	10' (3.05 m)	100' (30.5 m)	0.32 lb/f t2 (1.6 kg/m ²)
	0.060" (1.52 mm)			0.42 lb/f t2 (2.1 kg/m ²)
	0.075" (1.91 mm)**			0.55 lb/f t2 (2.7 kg/m ²)

Lưu ý: Thông tin trong tài liệu này dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và chính xác theo những gì chúng tôi biết. Tuy nhiên, không có sự ràng buộc. Có thể điều chỉnh cho phù hợp với các yêu cầu riêng biệt, ứng dụng cụ thể và đặc biệt là phù hợp với quy định địa phương. Dữ liệu của chúng tôi sử dụng các quy tắc kỹ thuật đã được chấp nhận, phải được tuân thủ trong quá trình áp dụng. Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu này trong phạm vi tiêu chuẩn công bố và áp dụng vào điều kiện bán hàng-chuyển giao-và-cung cấp dịch vụ của chúng tôi. Các khuyến nghị của nhân viên khác với dữ liệu trong bảng thông tin của chúng tôi chỉ có giá trị ràng buộc nếu được đưa ra dưới dạng văn bản. Phải đảm bảo luôn tuân thủ các quy tắc kỹ thuật được chấp nhận nói chung.

Phát hành 01/2024. Một số thay đổi kỹ thuật đã được thực hiện đối với bản in này. Các phiên bản cũ hơn đã bị vô hiệu và không được sử dụng nữa.